AI HỖ TRỢ TƯƠNG TÁC TRONG GIỜ HỌC NÓI TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN KỸ THUẬT KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH: TỔNG QUAN TÀI LIỆU VÀ HÀM Ý SƯ PHẠM

Nguyễn Thị Hồng Kông
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Điện lực
Email: kongnth@epu.edu.vn

Tóm tắt: *Bài viết tổng quan tài liệu về vai trò của trí tuệ nhân tạo (AI) hội thoại trong hỗ trợ tương tác giữa sinh viên kỹ thuật không chuyên tiếng Anh ở học phần nói tiếng Anh cơ bản. Sử dụng phương pháp tổng quan tường thuật có định hướng, bài viết đối chiếu sáu công bố về chatbot, học nói và tương tác trong lớp học, đồng thời phân biệt ba lớp kết quả: thành tích nói của cá nhân, mức độ tham gia và chất lượng tương tác giữa người học. Kết quả tổng hợp cho thấy bằng chứng về việc luyện tập giữa người học với AI chưa thể được suy rộng thành kết luận về giao tiếp giữa người học với nhau. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất tiến trình hoạt động gồm chuẩn bị có giới hạn với AI, trao đổi theo cặp và phản tư (reflection) có hướng dẫn, trong đó chú trọng các hành vi hỏi tiếp, làm rõ ý và cùng phát triển chủ đề. Các đề xuất cần được điều chỉnh theo trình độ, nhiệm vụ và điều kiện tiếp cận công cụ. Bài viết không thu thập dữ liệu mới và chưa kiểm nghiệm hiệu quả của tiến trình đề xuất trên sinh viên kỹ thuật không chuyên tiếng Anh.*

Từ khóa: *AI hội thoại; tương tác giữa người học; học nói tiếng Anh; tiếng Anh cơ bản; sinh viên kỹ thuật không chuyên tiếng Anh.*

AI-SUPPORTED PEER INTERACTION IN ENGLISH SPEAKING CLASSES FOR NON-ENGLISH-MAJOR ENGINEERING STUDENTS: A LITERATURE REVIEW AND PEDAGOGICAL IMPLICATIONS

Abstract: *This article reviews the literature on conversational artificial intelligence (AI) as a support for peer interaction in General English speaking classes for non-English-major engineering students. Using a focused narrative review, it compares six publications on chatbots, speaking development, and classroom interaction, and distinguishes three types of outcomes: individual speaking performance, engagement, and the quality of peer interaction. The synthesis indicates that evidence from learner–AI practice cannot be assumed to transfer to learner–learner communication. Drawing on this, the article proposes a three-stage teaching sequence of bounded AI-assisted preparation, paired discussion, and guided reflection, which foregrounds follow-up questions, clarification requests, and collaborative topic development. Implementation should be adjusted to learner proficiency, task demands, and access to digital tools. No new empirical data were collected, and the proposed activities have not been validated with the target population. The contribution is a conditional pedagogical synthesis rather than a new instructional model or evidence of intervention effects.*

Keywords*: conversational AI; peer interaction; English speaking; General English; non-English-major engineering students.*

Nhận bài: 25/09/2026 Phản biện: 26/10/2026 Duyệt đăng: 30/10/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong học nói tiếng Anh, việc trả lời đúng và trôi chảy chưa phản ánh đầy đủ năng lực hội thoại của người học. Hội thoại đòi hỏi người học còn phải lắng nghe ý của bạn, phản hồi đúng trọng tâm, hỏi tiếp, làm rõ điều chưa hiểu và cùng bạn phát triển chủ đề. Vì vậy, khi đưa AI vào giờ học nói, vấn đề cần đặt ra không chỉ là AI có giúp sinh viên nói tốt hơn hay không, mà là AI hỗ trợ những hành vi tương tác nào và việc luyện tập với AI có giúp sinh viên giao tiếp với nhau hay không.

Một số nghiên cứu gần đây đã xem xét chatbot trong học tập cộng tác và phát triển năng lực tương tác (Meng et al., 2026; Wu et al., 2026). Tuy nhiên, các nghiên cứu này được thực hiện ở những bối cảnh và với cách đánh giá khác nhau. Chúng cũng chưa được tổng hợp theo hướng giúp sinh viên kỹ thuật không chuyên tiếng Anh, ở trình độ tiếng Anh cơ bản, giao tiếp với nhau. Do đó, chưa rõ bằng chứng hiện có cho phép rút ra điều gì về tương tác giữa người học, và điều gì mới chỉ là suy đoán.

Bài viết này nhằm trả lời ba câu hỏi: (1) AI được bố trí như thế nào trong các hoạt động học nói đã được công bố; (2) bằng chứng hiện có phản ánh trực tiếp đến mức nào chất lượng tương tác giữa người học; (3) cần những điều kiện thiết kế nhiệm vụ nào để vận dụng cho sinh viên kỹ thuật không chuyên tiếng Anh. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một tiến trình tổ chức hoạt động và phân biệt rõ kết quả đã được công bố với các đề xuất chưa được kiểm nghiệm ở nhóm đối tượng này.

Về phạm vi, người học được đề cập là sinh viên các ngành kỹ thuật không chuyên tiếng Anh, học tiếng Anh cơ bản. Bài viết không chuyển nội dung sang tiếng Anh chuyên ngành. Các nhiệm vụ đề xuất thuộc giao tiếp thông thường như học tập, sở thích và kế hoạch cuối tuần. Bài viết cũng không giả định rằng mọi sinh viên kỹ thuật có cùng trình độ hoặc gặp cùng khó khăn khi học ngoại ngữ.

II. TỔNG QUAN TÀI LIỆU VÀ KHUNG PHÂN TÍCH

2.1. AI hội thoại và mục tiêu học nói

Trong phạm vi bài viết, AI hội thoại là công cụ xử lý yêu cầu bằng ngôn ngữ tự nhiên và phản hồi bằng văn bản hoặc giọng nói, nhằm hỗ trợ chuẩn bị, luyện tập hoặc phản tư. Trong bài viết này, phản tư (reflection) được hiểu là việc người học nhìn lại quá trình trao đổi của mình để rút kinh nghiệm và điều chỉnh cho lần nói tiếp theo. Không phải mọi chatbot đều giống nhau về thiết kế. Jeon et al. (2023) tổng quan 37 nghiên cứu và đề xuất khung phân biệt chatbot theo định hướng mục tiêu, tính hiện thân và tính đa phương thức; những khác biệt này cần được tính đến khi xem xét khả năng vận dụng kết quả nghiên cứu.

Du và Reynolds (2025) tổng hợp 100 nghiên cứu giai đoạn 2009–2024, nhấn mạnh sự đa dạng của các vai trò tương tác mà chatbot đảm nhiệm và yêu cầu tích hợp có phê phán vào thiết kế dạy học. Nguồn này cung cấp cơ sở để đặt vấn đề thiết kế sư phạm; tuy nhiên, do phạm vi tổng quan rộng, nó không cho phép khẳng định hiệu quả đối với sinh viên kỹ thuật Việt Nam.

2.2. Tương tác giữa sinh viên trong giờ học nói

Để tránh đồng nhất việc người học nói nhiều hơn với việc người học cùng xây dựng hội thoại tốt hơn, bài viết sử dụng khung phân tích gồm năm phương diện: (1) khởi xướng ý hoặc câu hỏi liên quan; (2) duy trì hội thoại bằng cách hỏi tiếp và phát triển chủ đề; (3) làm rõ thông qua yêu cầu giải thích và kiểm tra cách hiểu; (4) cùng xây dựng nội dung bằng bổ sung và thương lượng; (5) phân bố cơ hội tham gia giữa các thành viên.

Khung này do tác giả đề xuất để định hướng việc đọc và đối chiếu tài liệu; đây chưa phải thang đo chuẩn hóa và chưa được kiểm định.

Khi đọc tài liệu, cần phân biệt ba lớp kết quả: thành tích nói của cá nhân, mức độ tham gia học tập và năng lực tương tác giữa những người cùng hội thoại. Một sinh viên có thể nói trôi chảy nhưng ít phản hồi ý của bạn; ngược lại, một sinh viên còn mắc lỗi ngữ pháp vẫn có thể chủ động làm rõ ý và giúp nhóm hoàn thành nhiệm vụ. Vì vậy, việc vận dụng cần xuất phát từ mục tiêu giờ học thay vì lựa chọn công cụ chỉ dựa trên mức độ hấp dẫn.

III. PHƯƠNG PHÁP TỔNG QUAN

Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan tường thuật có định hướng. Bài viết không khảo sát, phỏng vấn hay thực nghiệm mới. Đối tượng phân tích là sáu công bố học thuật về chatbot và AI hội thoại trong học ngôn ngữ. Sinh viên kỹ thuật không chuyên tiếng Anh là nhóm người học được xem xét để đề xuất vận dụng, không phải mẫu nghiên cứu.

Sáu công bố được chọn có chủ đích vì liên quan trực tiếp đến học nói và tương tác, và vì nội dung có thể kiểm chứng. Về loại hình, đó là ba nghiên cứu thực nghiệm hoặc bán thực nghiệm, một nghiên cứu về nhận thức của người học và hai bài tổng quan. Wu et al. (2026) nghiên cứu 75 sinh viên Indonesia với quy trình chuẩn bị cùng chatbot rồi trao đổi với bạn; Meng et al. (2026) so sánh nhóm luyện với chatbot và nhóm luyện với bạn học trên 88 sinh viên Trung Quốc; Pham (2024) nghiên cứu việc luyện hội thoại với ChatGPT ở 60 sinh viên không chuyên tiếng Anh tại một trường đại học Việt Nam. Nguyen (2026) khảo sát 50 sinh viên chuyên tiếng Anh và phỏng vấn bốn người tại một trường đại học ở Việt Nam. Hai bài tổng quan là Jeon et al. (2023) về 37 nghiên cứu chatbot nhận dạng giọng nói và Du và Reynolds (2025) về 100 nghiên cứu giai đoạn 2009–2024. Các nguồn về kỹ năng viết không được dùng làm bằng chứng trực tiếp cho tương tác nói.

Với mỗi công bố, bài viết xem xét bối cảnh và người tham gia, cách AI được bố trí trong hoạt động, cách đánh giá kết quả và giới hạn của việc suy luận từ kết quả đó. Kết quả được xếp vào ba lớp: thành tích nói của cá nhân, mức độ tham gia học tập, và năng lực tương tác giữa những người cùng hội thoại. Tương tác giữa người học được đối chiếu theo năm phương diện: khởi xướng, duy trì, làm rõ, cùng xây dựng nội dung và phân bố cơ hội tham gia. Khung này do tác giả đề xuất để định hướng việc đọc tài liệu, chưa phải thang đo đã được kiểm định.

Đây không phải tổng quan hệ thống hay phân tích gộp, nên bài viết không tính kích thước hiệu ứng hay cộng gộp kết quả. Phạm vi chọn nguồn hẹp có thể gây thiên lệch lựa chọn. Ngoài ra, toàn văn chỉ được sử dụng với Wu et al. (2026), Pham (2024) và Nguyen (2026), còn ba nguồn còn lại được dùng ở mức tóm tắt và thông tin công bố. Những giới hạn này được tính đến khi diễn giải kết quả ở Mục IV.

IV. KẾT QUẢ TỔNG HỢP VÀ THẢO LUẬN

4.1. Cách kết hợp AI với trao đổi cùng bạn học

Wu et al. (2026) nghiên cứu 75 sinh viên tại Indonesia trong học phần hội thoại thông thường, với quy trình chuẩn bị cùng chatbot rồi trao đổi với bạn học. Kết quả thuận lợi được ghi nhận ở mức độ tham gia và kỹ năng nói. Tuy nhiên, điểm nói và bảng hỏi không trực tiếp phản ánh chất

lượng hỏi tiếp hay làm rõ ý giữa sinh viên. Đồng thời, tiến trình chuẩn bị với AI rồi trao đổi với bạn đã có tiền lệ trong nghiên cứu này, nên bài viết không nhận đây là đề xuất mới.

Theo phần tóm tắt của Meng et al. (2026), nghiên cứu trên 88 sinh viên Trung Quốc ghi nhận cả nhóm luyện với chatbot và nhóm luyện với bạn học đều cải thiện năng lực tương tác; nhóm bạn học tiến bộ hơn về nghe tương tác. Đây là so sánh hai phương thức luyện tập, không phải kiểm nghiệm quy trình kết hợp được đề xuất trong bài viết này. Do đó, không thể suy ra rằng AI có thể thay thế bạn học hoặc chắc chắn cải thiện mọi thành tố của năng lực tương tác.

4.2. Nghiên cứu trong bối cảnh Việt Nam

Pham (2024) nghiên cứu việc luyện hội thoại với ChatGPT ở 60 sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Đại học Nguyễn Tất Thành, ghi nhận tiến bộ về độ trôi chảy, từ vựng và ngữ pháp, trong khi phát âm tiến bộ ít hơn. Nghiên cứu tập trung đánh giá thành tích nói, chưa phân tích chi tiết tương tác giữa bạn học. Nguồn này cho thấy nghiên cứu về AI và học nói ở sinh viên không chuyên tại Việt Nam đã tồn tại.

Nguyen (2026) khảo sát 50 sinh viên chuyên tiếng Anh và phỏng vấn bốn người học tại một trường đại học ở Việt Nam. Những người tham gia nhìn nhận AI là công cụ chuẩn bị cho tương tác, đồng thời nêu lo ngại về nguy cơ lệ thuộc và đầu ra ngôn ngữ quá phức tạp. Đây chủ yếu là bằng chứng về nhận thức và trải nghiệm tự báo cáo; nó không trực tiếp chứng minh việc cải thiện tương tác giữa bạn học hay hiệu quả đối với sinh viên kỹ thuật. Ngoài ra, do mẫu gồm sinh viên chuyên Anh, cần thận trọng khi suy rộng sang sinh viên không chuyên.

Như vậy, việc chuyển trọng tâm sang bối cảnh Việt Nam không tự nó tạo nên khoảng trống nghiên cứu mới. Đóng góp của bài viết nằm ở việc đối chiếu các loại bằng chứng và đề xuất nguyên tắc tổ chức giờ học, trên cơ sở thừa nhận các nghiên cứu gần với vấn đề đang bàn.

4.3. Điều kiện vận dụng cho sinh viên kỹ thuật

Trước khi vận dụng, giảng viên cần xác định mục tiêu học phần, trình độ thực tế, thời lượng hoạt động, sĩ số và khả năng tiếp cận thiết bị của lớp. Đây là các điều kiện cần kiểm tra, không phải mô tả dựa trên khảo sát các trường kỹ thuật tại Việt Nam. Tương tự, không nên giả định rằng sinh viên kỹ thuật mặc nhiên thành thạo AI hoặc ít có nhu cầu giao tiếp hơn các nhóm khác.

Với nhóm có trình độ còn hạn chế, nhiệm vụ có thể dùng chủ đề quen thuộc, hình ảnh và một số mẫu câu chức năng; với nhóm có trình độ cao hơn, có thể tăng yêu cầu giải thích lựa chọn hoặc thương lượng quan điểm. Việc phân hóa nên dựa trên biểu hiện học tập và yêu cầu của chương trình, thay vì gắn một mức ngoại ngữ cố định cho toàn bộ sinh viên kỹ thuật.

Giảng viên giữ vai trò lựa chọn nhiệm vụ, kiểm tra đầu ra của AI, quy định thời điểm sử dụng thiết bị và hướng dẫn phản hồi. Công cụ chỉ nên đảm nhận những phần việc phù hợp, như gợi ý từ ngữ hoặc câu hỏi chuẩn bị. Nhận xét của AI không nên là căn cứ duy nhất để đánh giá người học; khi phản hồi sai hoặc quá khó, giảng viên cần sửa hoặc loại bỏ trước khi đưa vào hoạt động tiếp theo.

Về điều kiện tiếp cận, giảng viên có thể chuẩn bị bộ gợi ý bằng giấy tương đương để sinh viên thiếu thiết bị vẫn hoàn thành nhiệm vụ. Nếu sử dụng bản ghi âm hoặc lời thoại, cần thông báo mục đích và chỉ đưa lên công cụ những dữ liệu mà người học đồng ý cung cấp. Hoạt động phản tư cũng có thể dựa trên ghi chú ẩn danh để tránh phải tải toàn bộ nội dung hội thoại lên dịch vụ bên ngoài.

4.4. Tiến trình hoạt động có AI hỗ trợ

Các đề xuất dưới đây là hàm ý sư phạm rút ra từ việc đối chiếu tài liệu, kế thừa tiến trình đã xuất hiện trong nghiên cứu của Wu et al. (2026) và chưa được kiểm nghiệm riêng trên sinh viên kỹ thuật. Mục tiêu là tạo cơ hội trao đổi có nội dung giữa sinh viên, thay vì kéo dài thời gian sử dụng công cụ.

4.4.1. Chuẩn bị có giới hạn với AI

Giảng viên giao một nhiệm vụ có nhiều phương án hợp lý, chẳng hạn cùng lập kế hoạch cho một buổi đi chơi cuối tuần. Mỗi sinh viên chuẩn bị ý kiến riêng và một số câu hỏi muốn hỏi bạn. AI chỉ cung cấp gợi ý ngắn, phù hợp trình độ; sinh viên chọn những ý mình hiểu và có thể sử dụng. Giảng viên không để công cụ viết sẵn toàn bộ kịch bản hội thoại hai vai.

Câu lệnh minh họa: "Tôi đang học tiếng Anh cơ bản. Hãy giúp tôi chuẩn bị trao đổi với bạn về kế hoạch cuối tuần. Gợi ý tối đa năm từ hoặc cụm từ thông dụng và ba câu hỏi để hỏi tiếp. Dùng câu ngắn. Không viết sẵn hội thoại và không quyết định kế hoạch thay chúng tôi."

4.4.2. Trao đổi để đạt kết quả chung

Sinh viên làm việc theo cặp, cất phần trả lời đầy đủ của AI và chỉ giữ lại các từ khóa cần thiết. Hai sinh viên nhận thông tin khác nhau về sở thích, ngân sách hoặc thời gian nên phải hỏi nhau mới hoàn thành được nhiệm vụ. Sản phẩm chung là một phương án được cả hai chấp nhận kèm lý

do lựa chọn. Mỗi sinh viên cần phản hồi ít nhất một ý của bạn, thay vì lần lượt đọc hai đoạn độc thoại đã chuẩn bị.

Giảng viên quan sát ba điểm: sinh viên có dựa vào câu trả lời vừa nghe để hỏi tiếp hay không; có yêu cầu giải thích khi chưa hiểu hay không; và quyết định chung có thể hiện đóng góp của cả hai hay không. Số lượt lời đơn lẻ không nên được dùng làm thước đo đầy đủ cho chất lượng tương tác.

4.4.3. Phản tư và thực hiện lại

Sau khi trao đổi, mỗi cặp chọn một đoạn hội thoại xử lý tốt và một chỗ hội thoại bị ngắt quãng. Hai sinh viên giải thích điều gì đã giúp duy trì trao đổi và đề xuất cách hỏi lại rõ hơn. Nếu dùng AI, chỉ nhập đoạn lời thoại ngắn đã được đồng ý chia sẻ hoặc tình huống được tái tạo, rồi đối chiếu gợi ý của AI với hướng dẫn của giảng viên. Lượt nói thứ hai có thể đổi bạn hoặc thay một điều kiện của nhiệm vụ để tránh học thuộc.

Ví dụ, một phân đoạn 30 phút có thể gồm: ba phút giao nhiệm vụ, năm phút chuẩn bị, mười phút trao đổi theo cặp, năm phút phản tư và bảy phút thực hiện lại. Phân bố này chỉ mang tính minh họa thiết kế; giảng viên cần điều chỉnh theo mục tiêu và điều kiện lớp học, và không nên coi các mốc thời gian là thông số đã được kiểm nghiệm.

4.5. Giới hạn bằng chứng và hướng phát triển

Tập nguồn hẹp và mức độ tiếp cận nội dung không đồng đều giới hạn tính bao quát của tổng quan. Các nghiên cứu được chọn khác nhau về người học, công cụ và cách đánh giá; vì vậy, kết quả không thể cộng gộp và mọi tiến bộ không thể quy cho cùng một cơ chế. Bằng chứng về cảm nhận thuận lợi của người học cũng cần được tách khỏi bằng chứng từ hành vi hội thoại thực tế.

Đối với sinh viên kỹ thuật, bài viết chưa có dữ liệu để xác nhận mức độ phù hợp của các hoạt động đề xuất. Các nghiên cứu tiếp theo có thể ghi lại hội thoại theo cặp và phân tích cách người học hỏi tiếp, làm rõ ý, phát triển chủ đề và phân bố cơ hội nói. Đây là hướng nghiên cứu đề xuất, không phải hoạt động thu thập dữ liệu đã được thực hiện trong bài viết này.

V. KẾT LUẬN

Để hỗ trợ giao tiếp giữa sinh viên, việc đưa AI vào giờ học nói cần gắn với thiết kế nhiệm vụ và với cơ hội phản hồi người đối thoại thật. Bài viết đề xuất chuyển từ chuẩn bị cá nhân sang trao đổi có tính phụ thuộc lẫn nhau, sau đó dùng phản tư để điều chỉnh lượt trao đổi tiếp theo. Đây là định hướng vận dụng để giảng viên lựa chọn theo điều kiện lớp học, không phải kết luận về tác động đã được đo lường trong bối cảnh đích.

Đối với sinh viên kỹ thuật không chuyên tiếng Anh học tiếng Anh cơ bản, trọng tâm vận dụng là xác định mục tiêu tương tác và mức hỗ trợ phù hợp với người học. Tiến trình gồm chuẩn bị với AI, trao đổi theo cặp và phản tư có hướng dẫn nên được xem là gợi ý tổ chức hoạt động. Tổng quan này không cho phép kết luận rằng AI đã cải thiện tương tác ở nhóm đối tượng đích hoặc có thể thay thế vai trò của giảng viên và bạn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Du, Y., & Reynolds, B. L. (2025). Rooted in and beyond interaction: A systematic review of interactive affordances of chatbots for language learning amidst the rise of large language models. Acta Psychologica, 259, Article 105307. https://doi.org/10.1016/j.actpsy.2025.105307

Jeon, J., Lee, S., & Choe, H. (2023). Beyond ChatGPT: A conceptual framework and systematic review of speech-recognition chatbots for language learning. Computers & Education, 206, Article 104898. https://doi.org/10.1016/j.compedu.2023.104898

Meng, Y., Shen, C., Qian, X., & Wang, C. (2026). Chatbot versus human peer: Effects on college English as a foreign language learners' interactional competence development. Language Learning. Advance online publication. https://doi.org/10.1111/lang.70044

Nguyen, T. T. (2026). University students' perceptions of generative AI as a participant in English classroom interaction: A mixed-methods study at a Vietnamese university. European Journal of English Language Teaching, 11(4), 182–202. https://doi.org/10.46827/ejel.v11i4.7002

Pham, T. T. N. (2024). Investigating the effectiveness of practicing English conversation with ChatGPT in improving non-English majored students' English speaking skills at Nguyen Tat Thanh University. Journal of Science and Technology – NTTU, 7(4), 175–182. https://doi.org/10.55401/b1rnww21

Wu, T.-T., Hapsari, I. P., & Huang, Y.-M. (2026). Intelligent chatbot–supported collaborative learning: Impact on student engagement and English speaking skills. ReCALL, 38(2), 255–273. https://doi.org/10.1017/S0958344025100451